

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC SẢN PHẨM DỰ THẦU ĐẠT ĐIỂM KỸ THUẬT**

## GÓI THẦU THUỐC GENERIC

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

**Lô 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia hoặc Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia**

1	1	Mỗi 250ml chứa: Isoleucine 1,25g; Leucine 2,225g; Lysine (dưới dạng lysine HCl) 1,7125g; Methionine 1,10g; Phenylalanine 1,175g; Threonine 1,05g; Tryptophan 0,40g; Valine 1,55g; Arginine 2,875g; Histidine 0,75g; Alanine 2,625g; Glycine 3,00g; Aspartic acid 1,40g; Glutamic acid 1,80g; Proline 1,375g; Serine 0,575g; Tyrosine 0,10g; Sodium acetate trihydrate 0,7145g; Sodium hydroxide 0,09g; Potassium acetate 0,61325g; Magnesium chloride hexahydrate 0,127g; Disodium phosphate dodecahydrate 0,89525g.	Aminoplasmal B.Braun 10% E	Aminoplasmal B.Braun 10% E	VN-18160-14	10%	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 10 chai 250ml	Tiêm	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT
---	---	---	----------------------------	----------------------------	-------------	-----	----------------------------	-------------------	------	------	----------------------	-----	--------------------------------	-----	-----	-----	-------	-----	-----

## BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
2	1	Hỗn hợp Amino acid và muối	ALVESIN 10E		VN-9462-10	10%	Dung dịch tiêm truyền	Chai 250ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Berlin Chemie AG (Menarini Group)	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
3	2	Hỗn hợp Amino acid và muối	ALVESIN 10E	ALVESIN 10E	VN-9462-10	10%	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Berlin Chemie AG (Menarini Group)	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
4	3	Dung dịch Amino acid và chất điện giải	ALVESIN 5E	ALVESIN 5E	VN-10762-10	5%	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Berlin Chemie AG (Menarini Group)	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ môi trường	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
5	3	Mỗi 250ml chứa: Isoleucine 0,625g; Leucine 1,1125g; Lysine (dưới dạng lysine HCl) 0,8575g; Methionine 0,55g; Phenylalanine 0,5875g; Threonine 0,525g; Tryptophan 0,20g; Valine 0,775g; Arginine 1,4375g; Histidine 0,375g; Alanine 1,3125g; Glycine 1,50g; Aspartic acid 0,70g; Glutamic acid 0,90g; Proline 0,6875g; Serine 0,2875g; Tyrosine 0,10g; Sodium acetate trihydrate 0,34025g; Sodium hydroxide 0,035g; Potassium acetate 0,61325g; Sodium chloride 0,241g; Magnesium chloride hexahydrate 0,127g; Disodium phosphate dodecahydrate 0,89525g.	Aminoplasmal B.Braun 5% E	Aminoplas mal B.Braun 5% E	VN-18161-14	5%	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 10 chai 500ml	Tiêm	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
6	4	Mỗi 250ml chứa: Isoleucine 0,625g; Leucine 1,1125g; Lysine (dưới dạng lysine HCl) 0,8575g; Methionine 0,55g; Phenylalanine 0,5875g; Threonine 0,525g; Tryptophan 0,20g; Valine 0,775g; Arginine 1,4375g; Histidine 0,375g; Alanine 1,3125g; Glycine 1,50g; Aspartic acid 0,70g; Glutamic acid 0,90g; Proline 0,6875g; Serine 0,2875g; Tyrosine 0,10g; Sodium acetate trihydrate 0,34025g; Sodium hydroxide 0,035g; Potassium acetate 0,61325g; Sodium chloride 0,241g; Magnesium chloride hexahydrate 0,127g; Disodium phosphate dodecahydrate 0,89525g.	Aminoplasmal B.Braun 5% E	Aminoplasma B.Braun 5% E	VN-18161-14	5%	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 10 chai 250ml	Tiêm	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
7	4	Dung dịch Amino acid và chất điện giải	ALVESIN 5E		VN-10762-10	5%	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 250ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Berlin Chemie AG (Menarini Group)	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
8	5	Isoleucine ; Leucine; Lysine hydrochloride; Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine glutamate; Histidine hydrochloride monohydrate; Alanine; Aspartic acid; Glutamic acid; Glycine; Proline; Serine; Magnesium acetate tetrahydrate; Sodium acetate trihydrate; Sodium chloride; Sodium hydroxide; Potassium hydroxide; Potassium dihydrogen phosphate; Glucose monogydrate; Calcium chloride dehydrate	Nutriflex Peri Sol. Bag 1000ml 5's	Nutriflex Peri	VN-18157-14	40g (Amino Acids) + 80g (Anhydrous Glucose )	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 5 túi 1000ml	Tiêm truyền	Túi	B.Braun Medical AG	Thụy Sĩ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
9	6	L-Isoleucine, L-Leucine, L-Lysine acetate, L-Methionine, L-Phenylalanine, L-Threonine, L-Tryptophan, L-Valine, L-Alanine, L-Arginine, L-Aspartic acid, L-Glutamic acid, L-Histidine, L-Proline ...	Neoamiyu		VN-16106-13	6,1%	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Túi 200ml	Truyền tĩnh mạch	Túi	Ay Pharmaceuticals Co., Ltd	Nhật	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
10	7	Cao khô hạt dê ngựa (Aesculus hippocastanum)	Venosan retard		VN-14566-12	Cao khô hạt dê ngựa (Aesculus hippocastanum) 263,2mg	Viên nén bao phim phóng thích muện	Hộp 10 vi, 2 vi x 10 viên	Uống	Viên	Dr. Willmar Schwabe GmbH & Co. KG	Germany	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
11	8	Albumin người	ALBUMIN AR 25		VN-13414-11	25%	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai 50 ml	Tiêm truyền	Chai	CSL Behring LLC	USA	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT
12	8	Albumin người	Albutein 25% x 50ml	Albutein (Đóng gói: Grifols Biologicals Inc., địa chỉ: 13111 Temple Avenue City of Industry, CA 91746, USA)	VN-16274-13	25%	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 1 chai 50ml	Truyền tĩnh mạch	Chai	Grifols Biologicals Inc.	Mỹ	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
13	8	Human albumin	Human Albumin Baxter Inj 250g/l 50ml 1's	Human Albumin Baxter 250g/l	QLSP-0702-13	250g/l	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 chai 50ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Baxter AG	Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
14	9	Acid Alendronic (dưới dạng natri alendronat trihydrat) + Vitamin D3 (dưới dạng vitamin D3 100.000IU/g)	Fosamax Plus 70mg/5600IU Tab.	Fosamax Plus 70mg/5600IU	VN-19253-15	70mg + 5600IU	Viên nén	Hộp 1 vỉ x 4 viên	Uông	Viên	Frosst Iberica, S.A	Tây Ban Nha	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
15	11	Ampicillin Sodium, Sulbactam sodium	Unasyn Inj 1500mg 1's	Unasyn	VN-12601-11	1g (Ampicillin), 500mg (Sulbactam)	Bột pha tiêm.	Hộp 1 lọ 1.5g	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	Haupt Pharma Latina S.r.l	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
16	11	Ampicilin (dưới dạng ampicilin natri) + Sulbactam (dưới dạng sulbactam natri)	AMA POWER		VN-19857-16	Ampicilin (dưới dạng ampicilin natri) 1000mg + Sulbactam (dưới dạng sulbactam natri) 500mg	Bột pha tiêm	Hộp 50 lọ	Tiêm	Lọ	S.C. Antibiotice S.A.	Romani	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
17	12	Attapulgit; Aluminum hydroxyde and magnesium carbonate	Gastropulgit Sac 30's	Gastropulgit	VN-17985-14	2,5g + 0,5g	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 30 gói	Uông	Gói	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
18	14	Bethahistine dihydrochloride	Betaserc 16mg Tab.	Betaserc 16mg	VN-17206-13	16mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 20 viên	Uông	Viên	Mylan Laboratories SAS	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
19	14	Betahistine.2HCL	Kernhistine 16mg Tablet		VN-19865-16	16mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Kern Pharma S.L.	Spain	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
20	15	Betamethasone dipropionate + Betamethasone sodium phosphate	Diprosan Injection 1ml	Diprosan Injection	VN-15551-12	6,43mg/ml + 2,63mg/ml	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 ống 1ml	Tiêm	Ống	Schering - Plough Labo N.V.	Bi	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
21	17	Bisoprolol fumarate	Concor Tab 5mg 3x10'S	Concor 5mg	VN-17521-13	5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Merck KGaA	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
22	19	Calci carbonat + Vitamin D3	Briozcal		VN-12270-11	500mg calci, 125IU vitamin D3	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Lipa Pharmaceutics Pty., Ltd	Australia	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM B.H.C	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
23	20	Magnesium gluconate + calcium glycerophosphate	Fatig Amp. 10ml	Fatig	VN-20359-17	Mỗi 10ml chứa: Magnesium gluconate 0,426g + calcium glycerophosphate 0,456g	Dung dịch uống	Hộp 2 vỉ x 10 ống	Uống	Ống	Pharmatis	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
24	22	Calcitriol	Rocaltrol Cap. 0,25mcg	Rocaltrol (Cơ sở đóng gói: F.Hoffmann - La Roche Ltd., địa chỉ: CH-4303 Kaiseraugst, Switzerland)	VN-14167-11	0,25mcg	Viên nang mềm	Hộp 3 vi x 10 viên	Uông	Viên	Catalent Germany Eberbach GmbH	Đức	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
25	23	Cao Ginkgo biloba + Troxerutin + Heptaminol hydrochloride	Ginkor Fort		VN-16802-13	14mg+300mg + 300mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vi x 10 viên	Uông	Viên	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
26	25	Cefazolin (dưới dạng Cefazolin natri)	Cefazolin Actavis 2g		VN-20642-17	2g	Bột pha dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm bắp/ tiêm tĩnh mạch	Lọ	Balkanpharma Razgrad AD	Bulgaria	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
27	26	Cefoperazone sodium	Cefobid Inj 1g 1's	Cefobid	VN-13299-11	1g (Cefoperazon)	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ 1g	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	Haupt Pharma Latina S.r.l	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
28	27	Cefoperazon	CEFOPERA ZONE ABR 2G powder for solution for injection		VN-20733-17	2g	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 5 lọ	Tiêm	Lọ	Balkanpharm a- Razgrad AD	Bulgaria	CÔNG TY TNHH NHÂN SINH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
29	28	Cefoperazon (dưới dạng Cefoperazon natri) + Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri)	Basultam		VN-18017-14	1g + 1g	Bột pha tiêm bấp, tinh mạch	Hộp 01 lọ bột pha tiêm	Tiêm	Lọ	Medochemie Ltd. - Factory C	Cyprus	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THIÊN KIM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
30	29	Ceftazidim (dưới dạng bột hỗn hợp vô khuẩn Ceftazidim pentahydrat và natri carbonat)	Ceftazidime Kabi 1g	Ceftazidime Kabi 1g (SX bán thành phẩm: Hanmi Fine Chemical Co., Ltd; địa chỉ: Plant A and B 59, Gyeongje-ro, Siheung-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc)	VN-20418-17	1g	Bột pha dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Labesfal - Laboratorios Almiro, SA	Portugal	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DƯỢC PHẨM THIÊN CHÂU A.P.T	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
31	30	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat)	Ceftazidime Gerda 2g		VN-17905-14	2g	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ 2g	Tiêm	Lọ	LDP Laboratorios Torlan SA	Spain	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VĂN LANG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
32	31	Ceftriaxon (Dưới dạng Ceftriaxon natri)	Ceftriaxon Stragen 2g		VN-10108-10/VN-20720-17	2g	Bột pha dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Mitim s.r.l	Italy	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VĂN LANG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
33	32	Celecoxib	Cofidec 200mg		VN-16821-13	200mg	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Lek Pharmaceutic als d.d,	Slovenia	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
34	34	Clostridium botulinum type A toxin-Haemagglutinin complex 300U	Dysport Inj 300U 1's	Dysport	QLSP-1015-17	300 đơn vị	Bột pha dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Ipsen Biopharma Limited	Anh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
35	35	Clostridium botulinum type A toxin - Haemagglutinin complex 500U	Dysport Inj 500U 1's	Dysport	QLSP-1016-17	500 đơn vị	Bột pha dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Ipsen Biopharma Limited	Anh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
36	36	Cytidine-5'-monophosphat disodium (CMP, muối dinatri); Uridine-5'-triphosphate trisodium (UTP, muối natri) + Uridine-5'-diphosphate disodium (UDP, muối dinatri) + Uridine-5'-monophosphate disodium (UMP, muối dinatri)	NUCLEO CMP FORTE		VN-18720-15	Cytidine-5'-monophosphat disodium (CMP, muối dinatri) 10mg; Uridine-5'-triphosphate trisodium (UTP, muối natri) + Uridine-5'-diphosphate disodium (UDP, muối dinatri) + Uridine-5'-monophosphate disodium (UMP, muối dinatri) tổng cộng 6mg; tương đương Uridine 2,660mg	Bột đông khô và dung môi pha tiêm	Hộp 3 ống bột và 3 ống dung môi 2ml	Tiêm	Ống	Ferrer Internacional S.A	Tây Ban Nha	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
37	37	Cytidine-5'-disodium monophosphat (CMP, muối dinatri), Uridine-5'- trisodium triphosphate (UTP, muối trinatri), Uridine-5'- disodium diphosphate (UDP, muối dinatri), Uridine-5'- disodium monophosphate(UMP, muối dinatri)	NUCLEO CMP FORTE (capsule)	NUCLEO CMP FORTE, viên nang cứng	20779/QL D-KD	Cytidine-5'- disodium monophosphat (CMP, muối dinatri) 5mg, Uridine-5'- trisodium triphosphate (UTP, muối trinatri), Uridine-5'- disodium diphosphate (UDP, muối dinatri), Uridine-5'- disodium monophosphate (UMP, muối dinatri) tổng cộng 3mg, tương đương Uridine 1,330mg	Viên nang cứng	H 2 vi x 15 viên	Uống	Viên	Ferrer Internacional S.A	Tây Ban Nha	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
38	39	Desflurane	Suprane 100%/240ml B/1	Suprane	VN-17261-13	100%	Thuốc mê bay hơi (chất lỏng dùng để hít)	Chai 240ml	Dạng hít	Chai	Baxter Healthcare Corporation	Mỹ	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
39	41	Diacerein	Arthrorein		9590/QLD-KD	50mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	ONE PHARMA INDUSTRIAL PHARMACEUTICAL COMPANY SOCIETE ANONYME	Greece	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
40	42	Diazepam	Diazepam Injection BP 10mg		VN-15613-12	10mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 2ml	Tiêm	Ống	Rotexmedica GmbH Arzneimittel werk	Germany	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
41	44	Natri diclofenac	Voltaren Tab 75mg 10x10's	Voltaren	VN-11972-11	75mg	Viên nén phóng thích chậm	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Novartis Farma S.p.A	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
42	45	Diclofenac natri	Voltaren 75mg/3ml Inj 3ml 1x5's	Voltaren 75mg/3ml	VN-20041-16	75mg/3ml	Dung dịch thuốc tiêm	Hộp 1 vỉ x 5 ống 3ml	Tiêm	Ống	Lek Pharmaceutic als d.d.	Slovenia	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
43	45	Diclofenac natri	Elaria	Elaria	VN-16829-13	75mg	Dung dịch tiêm	Hộp 2 vi x 5 ống	Tiêm	Ống	Medochemie Ltd Ampoule Injectable Facility	Cyprus	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THIÊN KIM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
44	47	Purified, micronized flavonoid fraction 500mg (450 mg diosmin; 50 mg flavonoid expressed as hesperidin)	Daflon (L) Tab 500mg 60's	Daflon	VN-15519-12	450mg; 50mg	Viên nén bao phim	Hộp 4 vi x 15 viên	Uống	Viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
45	49	Domperidon	Domreme		VN-19608-16	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	Uống	Viên	Remedica Ltd	Cyprus	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẬT ANH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
46	51	Doxorubicin Hydroclorid	Doxorubicin Ebewe Inj 10mg5ml 1's	Doxorubicin "Ebewe"	VN-17426-13	2mg/ml	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ 5ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ	Ebewe Pharma Ges.m.b.H.Nf g.KG	Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
47	52	Enoxaparin Natri	Lovenox	Lovenox	QLSP-893-15	6000 anti-Xa IU/0,6ml tương đương 60mg/0,6ml	Dung dịch tiêm đóng sẵn trong bơm tiêm	Hộp 2 bơm tiêm đóng sẵn 0,6ml	Tiêm	Bơm tiêm	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
48	52	Enoxaparin natri	Gemapaxane		VN-16313-13	6000IU/0,6ml	Dung dịch tiêm	Hộp 6 bom tiêm	Tiêm	Bom tiêm	Italfarmaco S.P.A.	Ý	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
49	54	Ephedrin hydroclorid	Ephedrine Aguettant 30mg/ml		VN-19221-15	30mg/ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10 ống x 01ml	Tiêm	Ống	Laboratoire Aguettant	France	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
50	55	Epirubicin Hydrochloride	Farmorubici na Inj 10mg 1's	Farmorubici na	VN-20840-17	10mg	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ bột đông khô pha tiêm +1 ống dung môi pha tiêm 5ml	Tiêm tĩnh mạch (IV), tiêm bằng bơm, truyền qua động mạch	Lọ	Actavis Italy S.P.A	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
51	55	Epirubicin hydrochloride	Epirubicin "Ebewe" inj 10mg/5ml 1's	Epirubicin "Ebewe"	VN-20037-16	2mg/ml	Dung dịch đậm đặc để pha thuốc tiêm truyền	Hộp 1 lọ 5ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ	Ebewe Pharma Ges.m.b.H.Nfg.KG	Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
52	56	Epirubicin Hydrochloride	Farmorubici na Inj 50mg 1's	Farmorubi cina	VN-20841-17	50mg	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ bột đông khô pha tiêm	Tiêm tĩnh mạch (IV), tiêm bằng quang, truyền qua động mạch	Lọ	Actavis Italy S.P.A	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
53	56	Epirubicin hydrochloride	Epirubicin "Ebewe" Inj 50mg/25ml 1's	Epirubicin "Ebewe"	VN-20036-16	2mg/ml	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ 25ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ	Ebewe Pharma Ges.m.b.H.Nf g.KG	Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
54	57	Etomidate	Etomidate-Lipuro Inj 20mg/10ml Vial 10ml	Etomidate Lipuro	VN-10697-10	20mg/10ml	Nhũ dịch tiêm truyền	Ống thủy tinh 10ml	Tiêm truyền	Ống	B.Braun Melsungen AG	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
55	58	Fentanyl	Fentanyl		VN-16082-12	50mcg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 50 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A	Poland	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
56	58	Fentanil (dưới dạng fentanil citrate)	FENTANYL - HAMELN 50MCG/ML		VN-17326-13	50mcg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2 ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Đức	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
57	59	Gabapentin	Neurontin Cap 300mg 100's	Neurontin (Nhà đóng gói và xuất xưởng: Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH; địa chỉ: Betriebsstätte Freiburg Mooswaldallee 1, 79090 Freiburg, Federal Republic of Germany)	VN-16857-13	300mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Pfizer Pharmaceuticals LLC	Mỹ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
58	59	Gapapentin	TEBANTIN 300mg		VN-17714-14	300mg	Viên nang cứng	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Gedeon Richter Plc	Hungary	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
59	63	Gelatin khan (dưới dạng gelatin biến tính) + NaCl + Magnesi clorid hexahydrat + KCl + Natri lactat (dưới dạng dung dịch Natri (S)-lactat)	Geloplasma inj 500ml	Geloplasma	VN-19838-16	15g + 2,691g + 0,1525g + 0,1865g + 1,6800g	Dung dịch + tiêm + truyền	Túi Polyolefine (freeflex) 500ml	Tiêm truyền	Túi	Fresenius Kabi France	Pháp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
60	64	Glucosamin sulfate	Viartril-S		VN-14800-12	1500mg	Bột pha dung dịch uống	Hộp 30 gói	Uống	Gói	Rottapharm Ltd.	Ireland	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
61	65	Heparin sodium	Heparin		VN-15617-12	25.000IU/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 25 lọ x 5ml	Tiêm	Lọ	Rotexmedica GmbH Arzneimittel werk	Germany	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
62	67	Ifosfamide	Holoxan 1g Inj B/1	Holoxan	VN-9945-10	1g	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Baxter Oncology GmbH	Đức	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
63	68	Insulin người, rADN	Actrapid Inj. 100IU/ml x 10ml	Actrapid	QLSP-0598-12	100IU/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ x 10ml	Tiêm	Lọ	Novo Nordisk A/S	Đan Mạch	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
64	72	Ketamine (dưới dạng Ketamine HCL)	Ketamine Hydrochloride injection		VN-20611-17	500mg/10ml	Dung dịch tiêm	Hộp 25 lọ 10ml	Tiêm	Lọ	Rotexmedica GmbH Arzneimittel werk	Germany	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
65	73	Ketorolac trometamol	Kevindol		17595/QL D-KD	30mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 3 ống 1ml	Tiêm	Ống	Esseti Farmaceutici S.R.L	Italia	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
66	74	Lactulose	Duphalac Syr. 15ml	Duphalac	VN-12829-11	10g/15ml	Dung dịch uống	Hộp 20 gói x 15ml	Uống	Gói	Abbott Biologicals B.V	Hà Lan	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
67	74	Lactulose	Laevolac		VN-19613-16	Mỗi 15ml chứa: Lactulose 10g	Dung dịch uống	Hộp 20 gói 15ml	Uống	Gói	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÁI AN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
68	75	Lidocain hydroclorid khan (dưới dạng Lidocain hydroclorid monohydrat)	Xylocaine Jelly Oin 2% 30g 10's	Xylocaine Jelly	VN-19788-16	2%	Gel	Hộp 10 tuýp x 30g	Dùng ngoài	Tuýp	Recipharm Karlskoga AB	Thụy Điển	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT
69	79	Mesna	Uromitexan 400mg/ 4ml Inj B/15	Uromitexan	VN-10698-10	400mg/4ml	Dung dịch tiêm	Hộp 15 ống x 4ml	Tiêm	Ống	Baxter Oncology GmbH	Đức	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
70	82	Midazolam (dưới dạng Midazolam HCl)	Paciflam		VN-19061-15	5mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 1ml	Tiêm	Ống	Hameln Pharmaceuticals GmbH	Germany	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
71	82	Midazolam (dưới dạng Midazolam HCl)	MIDAZOLAM - HAMELN 5MG/ML		VN-16993-13	5mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Đức	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
72	83	Monobasic Sodium phosphat + Dibasic Sodium phosphat	Fleet Enema		VN-9933-10	19g + 7g/118ml	Dung dịch thực trực tràng	Hộp 1 chai dung tích 133ml	Bơm hậu môn	Chai	C.B. Fleet Company Inc.	USA	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
73	85	Naftidrofuryl hydrogen oxalate	Praxilene Tab 200mg 20's	Praxilene	VN-15544-12	200mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Famar Lyon	Pháp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
74	87	Natri hyaluronat	Go-on		VN-20762-17	25mg/2,5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm	Tiêm	Bơm tiêm	Croma Pharma GmbH	Austria	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
75	87	Sodium hyaluronate	ADANT		VN-15543-12	25mg	Dung dịch tiêm	Hộp chứa 1 xylanh đồng sẵn dung dịch tiêm	Tiêm	Ông	Tedec Meiji Farma, SA (The Spanish Subsidiary of Meiji Seika Pharma Co., Ltd	Tây Ban Nha	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIÊN THẢO SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
76	88	Nefopam hydroclorid	Acupan	Acupan (Xuất xưởng: Biocodex, địa chỉ: 1, Avenue Blaise Pascal-60000 Beauvais - France)	VN-18589-15	20mg	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống 2ml	Tiêm	Ông	Delpharm Tours	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
77	89	Nefopam HCl	Nefolin		VN-18368-14	30mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Medochemie LTD.,	Cyprus	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VĂN LANG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
78	90	Neostigmin methylsulfate	Neostigmine		VN-15618-12	0,5mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	Tiêm	Ông	Rotexmedica GmbH Arzneimittel werk	Germany	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
79	91	Medium-chain Triglycerides + Soybean oil	Lipofundin Mct/Lct 20 % 250ml 10's	Lipofundin MCT/LCT 20%	VN-16131-13	10,0g/100ml + 10,0g/100ml	Nhũ tương tiêm truyền	Hộp 10 chai thủy tinh 250ml	Tiêm truyền	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
80	91	Dầu đậu nành tinh chế; triglycerid mạch trung bình; dầu oliu tinh chế; dầu cá tinh chế	Smoflipid 20% Inj 250ml 1's	Smoflipid 20%	VN-19955-16	100ml nhũ tương chứa: dầu đậu nành tinh chế 6g; triglycerid mạch trung bình 6g; dầu oliu tinh chế 5g; dầu cá tinh chế 3g	Nhũ tương truyền tĩnh mạch	Chai 250ml	Truyền tĩnh mạch ngoại vi hoặc tĩnh mạch trung tâm	Chai	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
81	92	Dầu đậu nành tinh chế; triglycerid mạch trung bình; dầu oliu tinh chế; dầu cá tinh chế	Smoflipid 20% Inf 100ml 1's	Smoflipid 20%	VN-19955-16	100ml nhũ tương chứa: dầu đậu nành tinh chế 6g; triglycerid mạch trung bình 6g; dầu oliu tinh chế 5g; dầu cá tinh chế 3g	Nhũ tương truyền tĩnh mạch	Chai 100ml	Truyền tĩnh mạch ngoại vi hoặc tĩnh mạch trung tâm	Chai	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
82	93	Nicardipin hydrochlorid	Nicardipine Aguetant 10mg/10ml	Nicardipine Aguetant 10mg/10ml	VN-19999-16	10mg/10ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10 ống x 10ml	Tiêm truyền	Ống	Laboratoire Aguetant	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
83	94	Nor-adrenalin (dưới dạng Nor-adrenalin tartrat)	Levonor		VN-20116-16	1mg/ml	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 10 ống 1ml	Tiêm	Ống	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A	Poland	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
84	97	Paracetamol	Paracetamol B.Braun		VN-19010-15	1000mg/100ml	Dung dịch truyền	Hộp 10 chai nhựa 100ml	Truyền	Chai	B. Braun Medical S.A	Spain	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
85	97	Paracetamol	Offipain		VN-20751-17	10mg/ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 24 chai x 100ml	Tiêm	Chai	Demo S.A. Pharmaceutical Industry	Greece	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
86	100	Paracetamol + Codeine phosphate	Codalgin Forte		VN-13600-11	500mg + 30mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Aspen Pharma Pty., Ltd	Australia	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
87	101	Paracetamol + Tramadol hydrochlorid	Paratramol		VN-18044-14	325mg + 37,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Pharmaceutical Works Polpharma S.A	Poland	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TỰ ĐỨC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
88	102	Perindopril arginine	Coversyl Tab 5mg 30's	Coversyl 5mg	VN-17087-13	5mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ 30 viên	Uống	Viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
89	104	Pregabalin	Lyrica Cap 75mg 56's	Lyrica	VN-16347-13	75mg	Viên nang cứng	Hộp 4 vi x 14 viên	Uống	Viên	Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	94,00	ĐẠT	ĐẠT
90	105	Promethazine hydrochloride	PIPOLPHEN		VN-19640-16	50mg/2ml	Dung dịch thuốc tiêm	Hộp 100 ống 2ml	Tiêm	Ống	Egis Pharmaceuticals Private Limited company	Hungary	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
91	105	Promethazine hydrochloride	Pipolphen		VN-19640-16	50mg/2ml	Dung dịch thuốc tiêm	Hộp 100 ống 2ml	Tiêm	Ống	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
92	106	Propofol	Propofol-Lipuro 0.5% Inj. 20ml 5's	Propofol-Lipuro 0.5% (5mg/ml)	VN-13505-11	5mg/ml	Nhũ tương tiêm	Hộp 5 ống tiêm 20ml	Tiêm truyền	Ống	B.Braun Melsungen AG	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
93	107	Propofol	Fresofol 1% Mct/Lct Inj 20ml 5's	Fresofol 1% MCT/LCT	VN-17438-13	1% (10mg/ml)	Nhũ tương để tiêm hoặc tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 5 ống 20ml	Tiêm hoặc tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Ống	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
94	107	Propofol - Lipuro 10mg/ml MCT& LCT, 20ml	Propofol-Lipuro 1% (10mg/ml) 20ml 1's	Propofol-Lipuro 1% (10mg/ml)	VN-5720-10	10mg/ml	Nhũ tương để tiêm hoặc truyền	ống 20 ml	Tiêm truyền	Ống	B.Braun Melsungen AG	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
95	107	Propofol	Propofol 1% Kabi		VN-12926-11	10mg/ml (1%)	Nhũ tương tiêm hoặc tiêm truyền	Hộp 5 ống 20ml	Tiêm	Ống	Fresenius Kabi Austria GmbH	Austria	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DƯỢC PHẨM THIÊN CHÂU A.P.T	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
96	107	Propofol	Plofed 1%		VN-15652-12	10mg/ml	Nhũ tương tiêm	Hộp 5 lọ 20ml	Tiêm	Lọ	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A	Poland	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
97	109	Ranitidine (dưới dạng Ranitidine HCl)	Zantac Inj 25mg/ml 5x2ml	Zantac Injection	VN-20516-17	25mg/1ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống 2ml	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Ống	GlaxoSmithKline Manufacturing SpA	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT
98	109	Ranitidine (dưới dạng Ranitidine hydrochloride)	Raxadoni		VN-16732-13	25mg/1ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống 2ml	Tiêm	Ống	Demo S.A. Pharmaceutical Industry	Greece	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THIÊN KIM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
99	110	Natri chloride 3.4g/500ml; Kali chloride 0.15g/500ml; Calci chlorid dihydrate 0.19g/500ml; Natri acetate trihydrate 1.64g/500ml; Magnesi chloride hexahydrate 0.1g/500ml; L-Malic acid 0.34g/500ml	Ringerfundin Inj	Ringerfundin	VN-18747-15		Dung dịch tiêm truyền	Hộp 10 chai 500ml	Tiêm	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
100	111	Rocuronium bromide	Esmeron 50mg Via 10mg/ml 10's	Esmeron (Đóng gói & xuất xưởng: N.V. Organon- Địa chỉ: Kloosterstraat 6, 5349 AB Oss, Hà Lan)	VN-17751-14	10mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 5ml	Tiêm tĩnh mạch (IV)	Lọ	Hameln Pharmaceutical GmbH	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
101	111	Rocuronium Bromide	Rocuronium Kabi 10mg/ml Inj 10x5ml	Rocuronium Kabi 10mg/ml	VN-18303-14	10mg/ml	Dung dịch tiêm, truyền tĩnh mạch	Hộp 10 lọ 5ml	Truyền tĩnh mạch	Lọ	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
102	112	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	Ventolin Neb Sol 2.5mg/2.5ml 6x5's	Ventolin Nebules	VN-11572-10, VN-20765-17	2,5mg/2,5ml	Dung dịch khí dung	Hộp 6 vỉ x 5 ống 2,5ml	Dùng cho máy khí dung	Ống	GlaxoSmithKline Australia Pty Ltd	Úc	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
103	114	Sucralfate	Sucrate gel		VN-13767-11	1g/5ml	Hỗn dịch uống	Hộp 30 túi 5ml	Uống	Gói	Laboratorio Italiano Biochimico Farmaceutico Lisapharma S.p.A.	Italy	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐẠI DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
104	115	Sufentanil (dưới dạng Sufentanil citrat)	Sufentanil-hameln 50mcg/ml		VN-20250-17	50mcg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 1ml	Tiêm	Ống	Hameln Pharmaceutic als GmbH	Germany	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
105	117	Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4) và Natri chloride	Voluven -Pe Bag Sol 6% 500ml	Voluven 6%	VN-19651-16	Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4) 30g/ 500ml và Natri chloride 4,5g/500ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Túi Polyolefine (freeflex) 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Túi	Fresenius Kabi Deutschland GmbH	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	94,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
106	117	Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4); Natri acetat trihydrate; Natri clorid; Kali clorid; Magnesi clorid hexahydrat	Volulyte IV 6% 1's	Volulyte 6%	VN-19956-16	Mỗi túi 500ml chứa: Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4) 30g; Natri acetat trihydrate 2,315g; Natri clorid 3,01g; Kali clorid 0,15g; Magnesi clorid hexahydrat 0,15g	Dung dịch truyền	Túi Polyole fine (freeflex) 500ml	Tiêm truyền	Túi	Fresenius Kabi Deutschland GmbH	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
107	117	Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES)	Tetraspan 6% Sol. 500ml 10's	Tetraspan 6% solution for infusion	VN-18497-14	6% (15g/250ml)	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10 chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	B.Braun Medical AG	Thụy Sĩ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
108	118	Tolperison hydrochlorid	MYDOCAL M 150		VN-17953-14	150mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Gedeon Richter Plc	Hungary	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
109	118	Tolperison hydrochloride	Myderison		VN-5516-10	150mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Meditop Pharmaceutical Ltd.	Hungary	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
110	119	Tolperison hydrochlorid	Myderison		VN-5517-10	50mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Uống	Viên	Meditop Pharmaceutical Ltd.	Hungary	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
111	119	Tolperison hydrochlorid	MYDOCAL M		VN-19158-15	50mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Gedeon Richter Plc	Hungary	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
112	120	Tramadol hydrochlorid	TRAMADOL 100MG - ROTEXMEDICA		VN-20614-17	100mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2 ml	Tiêm	Ống	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk	Đức	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
113	121	Tranexamic acid	Medsamic 250mg/5ml		VN-20801-17	250mg/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 2 vỉ x 5 ống	Tiêm	Ống	Medochemie Ltd - Nhà máy thuốc tiêm ống	Cyprus	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
114	122	Trolamine	BIAFINE		VN-9416-09	6,7mg/g	Nhũ tương bôi da	Hộp 1 ống 93g	Dùng ngoài	Tuýp	Janssen-Cilag	Pháp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
115	123	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin hydrochlorid)	Voxin		VN-20141-16	500mg	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Vianex S.A- Nhà máy C	Hy Lạp	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÁI AN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
116	125	Acid Zoledronic (dưới dạng acid zoledronic monohydrat)	Aclasta 5mg/100ml Inf 100ml 1's	Aclasta	VN-19294-15	5mg/100ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 1 chai 100ml	Tiêm	Chai	Novartis Pharma Stein AG	Thụy Sĩ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT

**Lô 2: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia**

117	2	Alphachymotrypsin (tương ứng 4.200 IU Chymotrypsin USP)	Statripsine		VD-21117-14	4,2mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Stada-Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
118	3	Ampicillin Sodium; sulbactam sodium	Sulbaci 1,5g		VN-15153-12	1g Anhydrous Ampicillin ; 0,5g Anhydrous Sulbactam	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Unichem Laboratories Ltd.	Ấn Độ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG DỨC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
119	3	Ampicillin ( dưới dạng ampicillin natri) + Sulbactam (dưới dạng sulbactam natri)	AUROPEN NZ 1,5		VN-17643-14	Ampicillin ( dưới dạng ampicillin natri) 1g + Sulbactam (dưới dạng sulbactam natri) 0,5g	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ + 1 ống nước pha tiêm 5ml	Tiêm	Hộp	Aurobindo Pharma Ltd	Ấn Độ	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM THIÊN THỂ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
120	3	Ampicillin (dưới dạng Ampicillin Natri) + Sulbactam (dưới dạng sulbactam natri)	AUROPEN NZ 1.5		VN-17643-14	Ampicillin (dưới dạng Ampicillin Natri) 1g + Sulbactam (dưới dạng sulbactam natri) 0,5g	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ + 1 ống nước pha tiêm 5ml	Tiêm	Lọ	Aurobindo Pharma Ltd.	India	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NAM KHANG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
121	3	Ampicilin (dưới dạng Ampicillin sodium) + Sulbactam (dưới dạng Sulbactam sodium)	Pentacillin Injection 1.5g		VN-16874-13	Ampicilin (dưới dạng Ampicillin sodium 1,063g) 1g + Sulbactam (dưới dạng Sulbactam sodium 0,547g) 0,5g	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Penmix Ltd.	Hàn Quốc	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NAM HÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
122	4	Calci (dưới dạng calci lactat gluconat, calci carbonat)	CALCIUM STADA 500 MG		VD-27518-17	Calci 500mg (dưới dạng calci lactat gluconat 2940mg, calci carbonat 300mg)	Viên nén sủi	Hộp 1 tuýp x 20 viên	Uống	Viên	Chi Nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
123	5	Calcitriol	MEDITROL		VN-18020-14	0,25mcg	Viên nang mềm	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Mega Lifesciences Public Company Ltd.	Thailand	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
124	6	Cefaclor (dưới dạng cefaclor monohydrat)	SCD Cefaclor 250mg		VD-26433-17	250mg	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHA RCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
125	6	Cefaclor (dưới dạng Cefaclor monohydrat)	PMS-IMECLOR 250MG		VD-19374-13	250mg	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 12 viên	Uống	Viên	Chi nhánh 3-Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	CÔNG TY TNHH NHÂN SINH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
126	6	Cefaclor (dưới dạng cefaclor hydrat)	Ilclor Capsule		VN-19981-16	250mg	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Ildong Pharmaceutical Co., Ltd.	Hàn Quốc	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NAM HÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
127	7	Cefazolin (dưới dạng cefazolin natri)	ZOLIFAST 2000		VD-23022-15	2g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	CÔNG TY CPDP TENAMY D	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
128	8	Celecoxib	Stadloric 200		VD-22678-15	200mg	Viên nang cứng	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Stada-Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
129	8	Celecoxib	ZYCEL 200		VN-14493-12	200mg	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Cadila Healthcare Ltd.	India	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
130	8	Celecoxib	Celofin 200		VN-19973-16	200mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Hetero Lab Limited	India	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
131	9	Diosmin + Hesperidin	SaViDimin		VD-24854-16	450mg + 50mg	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 15 viên	uống	viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAPI (SAVIPHARM)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
132	9	Phân đoạn flavonoid vi hạt tinh chế tương ứng với: Diosmin; Các flavonoid biểu thị bằng hesperidin	Diosmin Stada 500mg		VD-22349-15	Phân đoạn flavonoid vi hạt tinh chế tương ứng với: Diosmin 450mg; Các flavonoid biểu thị bằng hesperidin 50mg	Viên nén bao phim	Hộp 6 vi x 10 viên	Uống	viên	Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Stada-Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
133	10	Enoxaparin natri	Gemapaxane	Gemapaxane	VN-16313-13	6000IU/0,6ml	Dung dịch tiêm	Hộp 6 bom tiêm	Tiêm	Bom tiêm	Italfarmaco, S.p.A.	Ý	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
134	10	Enoxaparin natri	Lupiparin		VN-17089-13	60mg/0,6ml	Bom tiêm đóng sẵn thuốc	Hộp chứa 2 bom tiêm (0,6ml)	Tiêm	Bom tiêm	Shenzhen Techdow Pharmaceutical Co., Ltd	China	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
135	11	Eperison hydroclorid	Savi Eperisone 50		VD-21351-14	50mg	Viên nén bao phim	Hộp 5 vi x 10 viên	uống	viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi (SaVipharm J.S.C)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
136	11	Eperisone hydrochlorid	Zonaxson tab. 50mg	Zonaxson	VN-20343-17	50mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	Indonesia	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
137	12	Etodolac	Savi Etodolac 200		VD-23005-15	200mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	uống	viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVIS (SAVIPHARM)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
138	13	Etoricoxib	NUCOXIA 90		VN-13085-11	90mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Cadila Healthcare Ltd.	India	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
139	13	Etoricoxib	Exibcure		VN-16774-13	90mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Gracure Pharmaceuricals Ltd	India	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
140	14	Succinylated Gelatin (Modified fluid gelatin); Sodium clorid; Sodium hydroxid	Gelofusine 20g/ 500ml 500ml 10's	Gelofusine	VN-20882-18	Mỗi 500ml chứa: Succinylated Gelatin (Modified fluid gelatin) 20,0g; Sodium clorid 3,505g; Sodium hydroxid 0,68g	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 10 chai plastic 500ml	Tiêm truyền	Chai nhựa	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd	Malaysia	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
141	16	Losartan kali	Losartan Stada 25mg		VD-21534-14	25mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Stada-Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
142	21	Pregabalin	Axogurd 75		VN-18605-15	75mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	MSN Laboratories Private Limited	India	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
143	22	Rocuronium Bromide	Rocuronium Kabi 10mg/ml Inj 10x5ml	Rocuronium Kabi 10mg/ml	VN-18303-14	10mg/ml	Dung dịch tiêm, truyền tĩnh mạch	Hộp 10 lọ 5ml	Truyền tĩnh mạch	Lọ	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
144	24	Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4); Natri acetat trihydrate; Natri clorid; Kali clorid; Magnesi clorid hexahydrat	Volulyte IV 6% l's	Volulyte 6%	VN-19956-16	Mỗi túi 500ml chứa: Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4) 30g; Natri acetat trihydrate 2,315g; Natri clorid 3,01g; Kali clorid 0,15g; Magnesi clorid hexahydrat 0,15g	Dung dịch truyền	Túi Polyolefine (freeflex 500ml)	Tiêm truyền	Túi	Fresenius Kabi Deutschland GmbH	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT
145	25	Tranexamic acid	Tranexamic Acid injection		VN-16056-12	250mg/5ml	Thuốc tiêm	Hộp 10 ống x 5ml	Tiêm	Ống	Siu Guan Chem Ind Co. Ltd	Taiwan	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
146	25	Acid tranexamic	Haemostop Inj 50mg/ml	Haemostop	VN-11014-10	50mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 5ml	Tiêm	Ống	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	Indonesia	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
147	26	Acid Ursodeoxycholic	SAVI URSO 300		VD-23009-15	300mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Cty CP DP Savi	Việt Nam	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM THIÊN THỂ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
148	27	Thiamin mononitrat + Pyridoxin HCl + Cyanocobaniamin	SAVI 3B		VD-16030-11	Thiamin mononitrat 100mg, pyridoxin HCl 100mg, cyanocobaniamin 0,15mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Cty CP DP Savi	Việt Nam	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM THIÊN THỂ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT

**Lô 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận**

149	1	Acetylcystein	Acetylcystein		VD-21827-14	200mg	Thuốc bột uống	Hộp 100 gói x 1g	Uống	gói	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
150	1	Acetylcystein	Esomez		VD-15904-11	200mg	Thuốc bột	Hộp 20 gói x 1g thuốc bột	Uống	Gói	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
151	1	Acetylcystein	ACETYLCYSTEIN	ACETYLCYSTEIN	VD-14163-11	200mg	Thuốc bột/cốm	Hộp 30 gói x 1,5 G	Uống	Gói	Công ty cổ phần Dược S.Pharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC S PHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
152	3	Các acid amin	Aminosteril Sol 10% 250ml 1's	Aminosteril 10%	VD-19242-13	10%	Dung dịch tiêm truyền	Chai 250ml	Tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Chai	Công ty CP Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
153	4	Các acid amin	Amiparen - 10	Amiparen -10	VD-15932-11	10%	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm	Chai	Công ty cổ phần Otsuka OPV	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
154	4	Các acid amin	Aminosteril sol 10% 500ml 1's	Aminosteril 10%	VD-19242-13	10%	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Chai	Công ty CP Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
155	5	Mỗi 200ml chứa: L-tyrosine, L-aspartic acid, L-glutamic acid, L-serine, L-methionine, L-histidine, L-proline, L-threonine, L-phenylalanine, L-isoleucine, L-valine, L-alanine, L-arginine, L-leucine, Glycine, L-lysine acetate, L-tryptophan, L-cysteine.	Amiparen - 5		VD-28286-17	0.05g + 0.1g + 0.1g + 0.3g + 0.39g + 0.5g + 0.5g + 0.57g + 0.7g + 0.8g + 0.8g + 0.8g + 1.05g + 1.4g + 0.59g + 1.48g + 0.2g + 0.1g	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm	Chai	Công ty cổ phần Otsuka OPV	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
156	5	L-Isoleucin; L-Leucin; L-Lysin.HCl; L-Methionin; L-Phenylalanin; L-Threonin; L-Tryptophan; L-Valin; L-Arginin HCl; L-Histidin HCl; Glycin; L-Alanin; L-Prolin; L-Aspartic acid; L-Asparagin.H2O; L-Glutamic acid; L-Ornithin HCl; L-Serin; L-Tyrosin	Aminoacid Kabi 5% 500ml	Aminoacid Kabi 5%	VD-25361-16	Mỗi 250ml chứa: 0,6375g; 1,1125g; 0,875g; 0,475g; 0,6375g; 0,5125g; 0,225g; 0,6g; 1,15g; 0,65g; 0,9875g; 1,7125g; 1,1125g; 0,1625g; 0,465g; 0,575g; 0,4g; 0,3g; 0,075g	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Tiêm	Chai	Công Ty Cổ Phần Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DƯỢC PHẨM THIÊN CHÂU A.P.T	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
157	6	Mỗi 200ml chứa: L-arginin HCL, L-histidine HCL.H2O, L-methionine, L-phenylalanine, L-threonine, L-valine, Glycin, L-lysine HCL, L-tryptophan, L-leucine, L-isoleucine, L-proline, L-serin, L-alanine, L-cystein HCL.H2O	Aminoalanin	Aminoalanin	VD-27298-17	1.46g + 0.64g + 0.2g + 0.2g + 0.9g + 1.68g + 1.8g + 1.52g + 0.14g + 2.2g + 1.8g + 1.6g + 1g + 1.5g + 0.08g.	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm	Chai	Công ty cổ phần Otsuka OPV	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
158	7	Escin	Aescin 20mg		VD-23473-15	20mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vi, 3 vi x 30 viên, 10 vi x 10 viên, 3 vi, 10 vi x 30 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược Minh Hải	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
159	8	Alpha chymotrypsin	$\alpha$ - Chymotrypsin		VD-22580-15	4.200IU	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	Uống, ngâm	Viên	Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
160	8	Alphachymotrypsin	Katrypsin		VD-18964-13	21 microkatal	Viên nén	Hộp 15 vi x 10 viên	Uống	viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
161	8	Alphachymotrypsin	Alphachymotrypsin		VD-13237-10	4,2mg	Viên nén	Hộp 50 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần Dược S.Pharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC S PHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
162	10	Ampicillin (dưới dạng Ampicillin natri), sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri)	Bipisyn		VD-23775-15	Ampicillin (dưới dạng Ampicillin natri) 1g, sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri) 500mg	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
163	10	Ampicilin (dưới dạng Ampicilin natri) + Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri)	Visulin 1g/0,5g		VD-25322-16	1g + 0,5g	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty CPDP VCP	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
164	11	Hỗn hợp Ampicilin natri và Sulbactam natri	Visulin 2g/1g		VD-27150-17	Ampicilin 2g + Sulbactam 1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty CPDP VCP	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
165	12	Arginin HCl	Arginine Stada		VD-23336-15	1g/5ml	Dung dịch uống	Hộp 20 ống x 5ml	Uống	ống	Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Stada-Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHUÔNG DUY	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
166	14	Attapulgit mormoiron hoạt hóa + gel khô nhôm hydroxyd và magnesi carbonate	Gastrolium		VD-12928-10	2,5g + 0,5g	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 30 gói	Uống	Gói	Công ty cổ phần Dược phẩm Sao Kim	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VĂN LANG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
167	14	Attapulgit, nhôm hydroxyd khô, magnesi carbonat	EUROPUL GITE		VD-14848-11	Attapulgit 2500mg, nhôm hydroxyd khô 250mg, magnesi carbonat 250mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 30 gói x 3g	Uống	Gói	Công ty dược Trung Ương 3	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
168	15	Calci gluconolactat + Calci carbonat	GONCAL		VD-20946-14	1,47g + 0,15g	Viên nén	Hộp 60 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
169	16	Calci carbonat + calci lactat gluconat	Calcium VPC 500		VD-26778-17	300mg + 2940mg	Viên nén sủi bọt	Hộp 1 tuýp 20 viên	Uống	viên	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
170	17	Calci carbonat + Vitamin D3	DENSTRA		VD-13852-11	300mg + 100IU	Viên nang mềm	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Cty CP DP Phương Đông	Việt Nam	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM THIÊN THẾ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
171	18	Calci carbonat + Cholecalciferol	CALSID 1250		VD-9759-09	750mg + 100IU	Viên nang mềm	Hộp 20 vỉ x 5 viên	Uống	Viên	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SONG VIỆT	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
172	19	Calci clorid dihydrat	Calci clorid 500mg/ 5ml		VD-22935-15	500mg/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 50 ống x 5ml	Tiêm	Ống	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
173	20	Magnesi gluconat; Calci glycerophosphat	BICANMA®		VD-22621-15	Mỗi 10 ml chứa : Magnesi gluconat 426mg; Calci glycerophosphat 456mg	Dung dịch uống	Hộp 20 ống x 10ml	Uống	Ống	Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
174	20	Calci glycerophosphat + Magnesi gluconat	A.T Calmax	A.T Calmax	VD-26104-17	456mg + 426mg	Dung dịch uống	Hộp 30 ống nhựa x 10ml	Uống	Ống 10ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CPDP AN THIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
175	20	Calci glycerophosphat+ Magnesi gluconat	Farisant		VD-20152-13	456mg + 426mg	Dung dịch thuốc	Hộp 20 ống x 10ml	Uống	Ống	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Việt Nam	CÔNG TY CP DƯỢC ĐẠI NAM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
176	20	Calci Glycerophosphat + Magnesi gluconat	Origluta		VD-14367-11	456mg + 426mg	Dung dịch uống	Hộp 20 ống x 10ml	Uống	Ống	Công ty cổ phần DP Phương Đông	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM AN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
177	21	Calcium lactat pentahydrat	CLIPOXID-300		VD-19652-13	300mg	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
178	22	Cao ginkgo biloba + Heptaminol hydroclorid + Troxerutin	Dopolys-S		VD-19629-13	14mg + 300mg + 300mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
179	23	Cefazolin (dưới dạng Cefazolin natri)	Cephamid 2g		VD-22187-15	2g	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
180	24	Cefoperazon (dưới dạng cefoperazon natri)	Bifopezon 1g		VD-28227-17	1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
181	24	Cefoperazon (dưới dạng Cefoperazon natri)	Cefobamid		VD-25207-16	1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ (loại dung tích 20ml)	Tiêm	Lọ	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
182	24	Cefoperazon (dưới dạng Cefoperazon natri)	Viciperazol		VD-29214-18	1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty CPDP VCP	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
183	25	Ceftazidim (dưới dạng ceftazidim pentahydrate phối hợp với natri carbonat)	Bicefzidim 1g		VD-28222-17	1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
184	25	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat)	Sefonramid	Sefonramid	VD-24807-16	1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ dung tích 20ml	Tiêm	Lọ	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
185	25	Ceftazidim	TV-Zidim 1g		VD-18396-13	1g	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Uống	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
186	25	Ceftazidim	Ceftazidim 1g		VD-18402-13	1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty CPDP VCP	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
187	25	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat + natri carbonat)	Cefjdim 1g		VD-18943-13	1g	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	lọ	Công ty CPDP Euvipharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
188	26	Celecoxib	Devitoc 100mg		VD-19426-13	100mg	Viên nén sủi	Tuýp 20 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần DP Phương Đông	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM AN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
189	27	Celecoxib	Celecoxib		VD-17172-12	200mg	Viên nang	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
190	27	Celecoxib	Vicoxib 200		VD-19336-13	200mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
191	27	Celecoxib	AGILECOX 200		VD-25523-16	200mg	Viên nang cứng	H/2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
192	27	Celecoxib	Stadloric 200		VD-22678-15	200mg	Viên nang cứng	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Stada-Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
193	28	Colchicin	Dochicin 1mg		VD-20344-13	1mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
194	28	Colchicin	Colchicin 1mg		VD-16781-12	1mg	Viên nén	Hộp 1 vỉ x 20 viên nén	Uống	Viên	Công ty CP Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
195	28	Colchicin	COLCHICINE GALIEN		VD-22784-15	1mg	Viên nén	Hộp 1 vỉ x 20viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
196	30	Dexibuprofen	Philrogam		VD-9849-09	300mg	Viên nang mềm	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM AN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
197	31	Diazepam	DIAZEPAM 10MG/2ML		VD-25308-16	Mỗi ống 2ml chứa diazepam 10mg	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	Tiêm	Ống	CN công ty CPDP TW Vidipha tỉnh Bình Dương	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
198	32	Diazepam	DIAZEPAM 5MG		VD-24311-16	5mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN công ty CPDP TW Vidipha tại Bình Dương	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
199	32	Diazepam	Diazepam 5mg		VD-24311-16	5mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha tại Bình Dương	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
200	33	Diclofenac sodium	Diclofenac 75mg		VD-17672-12	75mg	Viên bao phim tan trong ruột	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA-DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
201	37	Esomeprazol natri tương ứng Esomeprazol 40mg	Esogas ivf	Esogas ivf	VD-16506-12	Esomeprazol natri tương ứng Esomeprazol 40mg	Thuốc tiêm bột đông khô	Hộp 1 lọ thuốc tiêm bột đông khô + 1 ống dung môi 5ml	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
202	37	Esomeprazol (dưới dạng esomeprazol natri)	ESOXIUM inj		VD-27306-17	40mg	Thuốc bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
203	37	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol natri)	A.T Esomeprazol 40 inj		VD-24727-16	40mg	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 5 lọ thuốc + 5 ống dung môi 5ml (dung môi NaCl 0,9%)	Tiêm	Lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CPDP AN THIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
204	37	Esomeprazol (dưới dạng bột đông khô chứa esomeprazol natri)	DULCERO		VD-19948-13	40mg	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIMEDIM EX	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
205	38	Esomeprazol (dạng vi hạt bao tan trong ruột Esomeprazol magnesium dihydrat)	Prazopro 40mg		VD-19498-13	40mg	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
206	38	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magnesi trihydrat)	SaVi Esomeprazol e 40		VD-28032-17	40mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 2 vỉ x 7 viên	uống	viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
207	38	Esomeprazol (dưới dạng vi hạt chứa esomeprazol 22%)	Esosium Caps. 40		VD-26409-17	40mg	Viên nang cứng chứa vi hạt bao tan trong ruột	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
208	38	Esomeprazol	ESORAGIM 40		VD-28827-18	40mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	H/3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
209	39	Ethambutol HCl	Ethambutol 400mg		VD-15517-11	400mg	Viên bao phim	Hộp 20 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA-DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
210	40	Etoricoxib	ZOSTOPAIN 120		VD-22435-15	120mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
211	40	Etoricoxib	MAGRAX-F		VD-19172-13	120mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
212	41	Etoricoxib	Etoricoxib 60		VD-27915-17	60mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
213	42	Etoricoxib	Etoricoxib 90		VD-27916-17	90mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
214	42	Etoricoxib	ZOSTOPAIN 90		VD-22436-15	90mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
215	42	Etoricoxib	MAGRAX		VD-14585-11	90mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
216	42	Etoricoxib	ERAXICOX 90		VD-30188-18	90mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công Ty TNHH US Pharma USA	Việt Nam	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM THIÊN THỂ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
217	43	Gapapentin	Neucotic		VD-27264-17	300mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
218	43	Gabapentin	Gaberon		VD-19634-13	300mg	Viên nang cứng	Hộp 5 vỉ x 10 viên nang	Uống	Viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
219	43	Gabapentin	Neupencap		VD-23441-15	300mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty CP Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
220	43	Gabapentin	Gabapentin		VD-22908-15	300mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
221	43	Gabapentin	GAPTINEW		VD-27758-17	300mg	Viên nang cứng	H/3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXP HARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
222	44	Dextrose tương đương dextrose khan	Dextrose 30%		VD-21715-14	Dextrose tương đương dextrose khan 0,3g/ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA-DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
223	44	Glucose khan	Glucose 30% 500ml	Glucose 30%	VD-23167-15	30g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công Ty Cổ Phần Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DƯỢC PHẨM THIÊN CHÁU A.P.T	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
224	45	Guaiazulen + Dimethicon	GEBHART		VD-27437-17	Mỗi gói 10g chứa: Guaiazulen 4mg; Dimethicon 3000mg	Gel uống	Hộp 30 gói x 10g	Uống	Gói	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vì Phú	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
225	46	Globulin kháng độc tố uốn ván	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế (SAT)		QLSP-1037-17	1500 đvqt	Dung dịch tiêm	Hộp 20 ống, hai vỉ x 1500 đvqt	Tiêm	ống	Viện Vắc Xin Và Sinh Phẩm Y Tế (IVAC)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
226	46	Globulin kháng độc tố uốn ván	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế (SAT)		QLSP-1037-17	1500 đvqt	Dung dịch tiêm	Hộp 20 ống	Tiêm	Ống	Viện vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN VẮC XIN VÀ SINH PHẨM NAM HÙNG VIỆT	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
227	47	Ibuprofen	A.T Ibuprofen syrup		VD-25631-16	100mg/5ml	Hỗn dịch uống	Hộp 1 chai 60ml	Uống	Chai	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CPDP AN THIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
228	47	Ibuprofen	IBRAFEN		VD-25749-16	100mg/5ml	Hỗn dịch uống	Hộp 1 chai 60ml	Uống	Chai	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HÒA AN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
229	49	Isoniazid	Meko INH 150		VD-15523-11	150mg	Viên nén	Hộp 1 chai 100 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA-DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
230	50	Kali clorid	Kali clorid Kabi 10%		VD-19566-13	1g/10ml	Dung dịch tiêm	Hộp 50 ống x 10ml	Tiêm	Ống	Công Ty Cổ Phần Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DƯỢC PHẨM THIÊN CHÁU A.P.T	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
231	51	Kẽm (dưới dạng kẽm gluconat)	Tozinax		VD-26368-17	Kẽm (dưới dạng kẽm gluconat 70mg) 10mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
232	51	Kẽm (dưới dạng kẽm gluconat 70mg)	FARZINCO L		VD-27848-17	10mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
233	51	Kẽm (dưới dạng Kẽm gluconat)	ZINC 10		VD-22801-15	10mg	Viên nén	H/10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
234	51	Kẽm (dưới dạng Kẽm gluconat )	Atizinc		VD-24740-16	10mg	Viên nén phân tán	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CPDP AN THIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
235	52	Ketorolac tromethamin	KOZERAL		VD-18511-13	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vì Phú	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
236	53	Lidocain HCL	Lidocain Kabi 2% 20ml	Lidocain Kabi 2%	VD-18804-13	400mg/20ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 20ml	Tiêm	Lọ	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định	Việt Nam	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DƯỢC PHẨM THIÊN CHÁU A.P.T	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
237	54	Linezolid	ZEDOLID		VD-22863-15	600mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIMEDIM EX	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
238	54	Linezolid	Forlen		VD-19658-13	600mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐẠI DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
239	55	Lisinopril (dưới dạng Lisinopril dihydrat)	AGIMLISIN 10		VD-26721-17	10mg	Viên nén	H/3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXP HARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
240	55	Lisinopril (dưới dạng lisinopril dihydrat)	Dorotril 10mg		VD-23899-15	10mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
241	55	Lisinopril	SaVi Lisinopril 10		VD-14408-11	10mg	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	Uống	viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi (SaVipharm)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVA (SAVIPHARM)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
242	56	Loxoprofen (natrihydrat tương ứng 60mg Loxoprofen natri)	Loxoprofen		GC-0183-12	60mg Loxoprofen natr	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	Uống	viên	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm 3/2	Việt Nam	CÔNG TY TNHH TMDP CÁT THÀNH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
243	57	Magnesi sulfat	Magnesi sulfat Kabi 15%		VD-19567-13	1,5g/10ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 10ml	Tiêm	Ống	Công Ty Cổ Phần Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DƯỢC PHẨM THIÊN CHÂU A.P.T	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
244	58	Bột hạt malva + Xanh methylen + Camphor monobromid	Domitazol	Domitazol	VD-22627-15	250mg + 25mg + 20mg	Viên nén bao đường	Hộp 5 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
245	59	Mecobalamin	Galanmer		VD-28236-17	500 mcg	Viên nang cứng	Hộp 10 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
246	60	Mephenesin	Myolaxyl		VD-25581-16	250mg	Viên nén bao đường	Hộp 2 vi x 25 viên	Uống	Viên	Công ty CP Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
247	60	Mephenesin	Dorotyl	Dorotyl	VD-13615-10	250mg	Viên bao đường	Hộp 2 vi x 25 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
248	60	Mephenesin	Detracyl 250		VD-20186-13	250mg	Viên nén bao đường	Hộp 10 vi x 20 viên	Uống	viên	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
249	60	Mephenesin	MEPHENESIN	MEPHENESIN	VD-14213-11	250mg	Viên nang	Hộp 10vi x 10viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
250	61	Mephenesin	Dorotyl 500mg		VD-24989-16	500mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi x 12 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
251	61	Mephenesin	AGIDECOTYL 500		VD-25604-16	500mg	Viên nén bao phim	H/2 vi x 12 viên	Uống	Viên	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ môi thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
252	62	Methyl prednisolon (dưới dạng methyl prednisolon natri succinat)	Soli-Medon 125		VD-23777-15	125mg	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ + 1 ống nước cất pha tiêm 2ml	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
253	62	Methyl prednisolon (dưới dạng Methyl prednisolon natri succinat)	Atisolu 125 inj		VD-25648-16	125mg	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 5 lọ + 5 ống dung môi 2ml	Tiêm	Lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CPDP AN THIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
254	63	Metoclopramid hydroclorid	Metoran	Metoran	VD-25093-16	10mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Công ty CP Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
255	63	Metoclopramid hydroclorid	Metoclopramid Kabi 10mg		VD-27272-17	10mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 12 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Công Ty Cổ Phần Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DƯỢC PHẨM THIÊN CHÂU A.P.T	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
256	64	Morphin hydroclorid	Morphin (Morphin hydroclorid 10mg/ml)		VD-24315-16	10mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml; hộp 25 ống x 1ml	Tiêm	Ống	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidiphar tại Bình Dương	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
257	64	MORPHIN HYDROCLORID	MORPHIN (MORPHIN HYDROCLORID 10MG/1ML)	MORPHIN (MORPHIN HYDROCLORID 10MG/ML)	VD-24315-16	10mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	Tiêm	Ống	CN công ty CPDP TW Vidipha tại Bình Dương	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
258	65	Nabumeton	MEBUFEN 750		VD-20234-13	750mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Cty CP DP OPV	Việt Nam	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM THIÊN THẾ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
259	66	Natri Clorid	NATRI CLORID 0,9 %		VD-26717-17	Mỗi 100ml chứa: natri clorid 0,9g	Dung dịch dùng ngoài	Chai 500ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
260	67	Natri Clorid	NATRI CLORID 0,9 %		VD-26717-17	Mỗi 100ml chứa: natri clorid 0,9g	Dung dịch dùng ngoài	Chai 1000ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
261	68	Natri clorid	Natri clorid 0,9% 100ml	Natri clorid 0,9 %	VD-21954-14	0,9g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 100ml	Tiêm truyền	Chai	Công Ty Cổ Phần Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DƯỢC PHẨM THIÊN CHÂU A.P.T	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
262	69	Natri chlorid	Sodium chloride 0,9 %		VD-24415-16	0,9g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA-DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
263	69	Natri clorid	Natri clorid 0,9% 500ml	Natri clorid 0,9%	VD-21954-14	0,9g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công Ty Cổ Phần Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DƯỢC PHẨM THIÊN CHÁU A.P.T	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
264	69	Natri clorid	Sodium chloride 0,9%		VD-24019-15	0,9g/100ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm	Chai	Công ty cổ phần Otsuka OPV	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
265	73	Mỗi 500 ml chứa: Natri clorid; Kali clorid; Monobasic kali phosphat; Natri acetat.3H <sub>2</sub> O; Magne sulfat.7H <sub>2</sub> O; Kẽm sulfat.7H <sub>2</sub> O; Dextrose Anhydrous	Glucolyte-2	Glucolyte-2	VD-25376-16	Mỗi 500ml chứa: Acetate 5mEq, Cl- 38.5mEq, Dextrose 37.5g, K <sup>+</sup> 10mEq, Mg <sup>2+</sup> 2.5mEq, Na <sup>+</sup> 38.5mEq, Phosphat 5mmol, Sulfat 2.5mEq, Zn <sup>2+</sup> 0,04mEq	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm	Chai	Công ty cổ phần Otsuka OPV	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
266	74	Natri bicarbonat	Natri bicarbonat 1,4% 250ml	Natri bicarbonat 1,4%	VD-25877-16	1,4g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 250ml	Tiêm	Chai	Công Ty Cổ Phần Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DƯỢC PHẨM THIÊN CHÂU A.P.T	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
267	76	Papaverin hydroclorid	Papaverin 2%		VD-26681-17	40mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Công ty CP Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
268	77	Paracetamol	Bé nóng	Bé nóng	VD-20547-14	100mg	Viên nén	Chai 100 viên	Uống	viên	CTy TNHH MTV Dược phẩm DHG	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
269	78	Paracetamol	Biragan 150		VD-21236-14	150mg	Thuốc đạn	Hộp 2 vỉ x 5 viên	Viên đặt hậu môn	Viên	Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
270	79	Paracetamol	Paracetamol Kabi 1000		VD-19568-13	1000mg/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 100ml	Tiêm truyền	Chai	Công Ty Cổ Phần Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DƯỢC PHẨM THIÊN CHÂU A.P.T	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
271	80	Paracetamol	Biragan 300		VD-23136-15	300mg	Thuốc đạn	Hộp 2 vỉ x 5 viên	Viên đặt hậu môn	Viên	Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
272	81	Paracetamol	Panactol 325mg		VD-19389-13	325mg	Viên nén	Chai 1000 viên	Uống	viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
273	81	Paracetamol	SOTRAPHAR-NOTALZIN	SOTRAPHAR-NOTALZIN	VD-12154-10	325mg	Viên nén	Hộp 50 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần Dược S.Pharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC S PHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
274	81	Paracetamol	ACETAB 325		VD-22437-15	325mg	Viên nén	H/10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
275	82	Paracetamol + codein phosphat hemihydrat	Panalganeferr Codein		VD-17903-12	500mg + 30mg	Viên nén sủi bọt	Hộp 4 vỉ x 4 viên	Uống	viên	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
276	82	Paracetamol + Codein phosphat	Dopagan-Codein Effervescent		VD-16679-12	500mg + 30mg	Viên nén sủi	Hộp 4 vỉ x 4 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
277	83	Paracetamol + Tramadol	Hi-Tavic		VD-21805-14	325mg +37,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 6 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty CP Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
278	83	Paracetamol + Tramadol HCl	Pantracet		VD-20870-14	325mg + 37,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
279	84	Vitamin K1	Vitamin K1 10mg/ml	Vitamin K1 10mg/1ml	VD-18191-13	10mg/1ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	Tiêm bắp, tiêm truyền tĩnh mạch	Ống	Công ty CP Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
280	85	Povidone Iodine	POVIDONE IODINE 10 %		VD-15361-11	10g/100ml	Dung dịch dùng ngoài	Chai 90ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
281	85	Povidon iod	POVIDINE		VD-15400-11	10%	Dung dịch dùng ngoài	CHAI 90ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
282	85	Povidon iodine	POVIDON IODIN 10%		VD-28005-17	Mỗi chai 20ml chứa Povidon iodine 2g	Dung dịch dùng ngoài	Chai 90ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty cổ phần Dược S.Pharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC S PHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
283	85	Povidone iodine	POVIDONE		VD-17882-12	10%	Dung dịch dùng ngoài	Chai 90ml	Dùng ngoài	Chai	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
284	85	Povidon iod	POVIDINE		VD-15400-11	10%	Dung dịch dùng ngoài	Chai 90ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty CPDP DL Pharmedic	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
285	86	Povidon iodine	Povidon iod 10%		VD-23647-15	mỗi 8ml chứa 0,8g	Dung dịch dùng ngoài	Chai 500 ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty CPDP Quảng Bình	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
286	86	Povidon iodine	POVIDON IODIN 10%	POVIDON IODIN 10%	VD-28005-17	Mỗi chai 20ml chứa Povidon iodine 2g	Dung dịch dùng ngoài	Chai 500ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty cổ phần Dược S.Pharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC S PHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
287	86	Povidone Iodine	PVP - Iodine 10%	PVP Iodine 10 %	VD-15971-11	10g/100ml	Dung dịch dùng ngoài	Hộp 1 lọ x 500ml	Dùng ngoài	Lọ	Công ty CP Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
288	87	Povidon iod	POVIDINE		VD-15137-11	4%	Dung dịch dùng ngoài	CHAI 800ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Liệu Pharmedic	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
289	87	Povidon iod	POVIDINE		VD-15137-11	4%	Dung dịch dùng ngoài	Chai 800ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty CPDP DL Pharmedic	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
290	88	Pregabalin	Antivic 75		VD-26751-17	75mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CPDP AN THIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
291	88	Pregabalin	MORITIUS		VD-19664-13	75mg	Viên nang cứng	Hộp 6 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
292	88	Pregabalin	AUSVAIR 75		VD-14141-11	75mg	Viên nang	Hộp 3 vỉ x 10 viên (vỉ nhôm - PVC)	Uống	Viên	Công ty Cổ phần BV Pharma	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIMEDIM EX	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
293	89	Pyrazinamid	Pyrazinamid e 500mg		VD-24414-16	500mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA-DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
294	90	Ranitidin (dưới dạng Ranitidin hydroclorid)	A.T Ranitidine inj		VD-24133-16	50mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	Tiêm	ống	Nhà máy sản xuất Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CPDP AN THIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
295	91	Rifampicin	AGIFAMCI N 300		VD-14223-11	300mg	Viên nang	H/10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
296	92	Sodium chloride + Potassium chloride + Calcium chloride dihydrate + Sodium acetate trihydrate	Acetate Ringer		VD-15871-11		Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA-DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
297	92	Mỗi 500 ml chứa: Natri clorid 3g; Kali clorid 0,15g; Calci clorid.2H <sub>2</sub> O 0,1g; Natri acetat.3H <sub>2</sub> O 1,9g	Acetate ringer's	Acetate ringer's	VD-24018-15		Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm	Chai	Công ty cổ phần Otsuka OPV	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
298	93	Mỗi 500 ml chứa: Calci clorid. 2H <sub>2</sub> O 0,1g; Kali clorid 0,15g; Natri clorid 3g; Natri lactat 1.55g	Lactated ringer's		VD-25377-16		Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm	Chai	Công ty cổ phần Otsuka OPV	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
299	94	Dextrose khan; Natri clorid; Kali clorid; Natri lactat; Calci clorid.2H <sub>2</sub> O	Lactated Ringer's and Dextrose		VD-21953-14	11,365g/250ml; 1,5g/250ml; 1,75mg/250ml; 750mg/250ml; 50mg/250ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công Ty Cổ Phần Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DƯỢC PHẨM THIÊN CHÂU A.P.T	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
300	96	Sắt fumarat + acid folic + Vitamin B12	Bofit F		VD-15977-11	162mg + 0,75mg + 7,5mcg	Viên nang mềm	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
301	96	Sắt Fumarat, Acid folic, Vitamin B12	TOPHEM		VD-15893-11	Sắt Fumarat 162mg, Acid folic 0.75mg, Vitamin B12 7,5µg	Viên nang mềm	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công Ty CP SX TM DP Đông Nam	Việt Nam	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM THIÊN THỂ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
302	97	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	Cotrimoxazo 1480mg		VD-24799-16	400mg + 80mg	Viên nén	Hộp 20 vỉ x 20 viên	Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
303	97	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	Dotrim 400mg/80mg		VD-17719-12	400mg + 80mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
304	98	Sultamicilin (dưới dạng Sultamicilin tosilat dihydrat)	Midactam 375		VD-26900-17	375mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 túi x 1 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
305	100	Telmisartan	SaVi Telmisartan 40		VD-23008-15	40mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	uống	viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
306	100	Telmisartan	Domidis 40mg	Domidis	VD-28372-17	40mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 7 viên, hộp 4 vỉ x 7 viên, hộp 12 vỉ x 7 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
307	100	Telmisartan	Telmisartan Stada 40mg		VD-26569-17	40mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
308	100	Telmisartan	AGIMSTAN		VD-27746-17	40mg	Viên nén	H/4 vỉ x 7 viên	Uống	Viên	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
309	100	Telmisartan	ZHEKOF		VD-21070-14	40mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần được phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
310	100	Telmisartan	Bivitelmi 40		VD-26651-17	40mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần BV Pharma	Việt Nam	CÔNG TY TNHH TMĐP CÁT THÀNH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
311	102	Thiocolchicosid	Donstyl 4mg		VD-25423-16	4mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
312	103	Ticarcillin (dưới dạng Ticarcilin dinatri) + Acid Clavulanic (dưới dạng clavulanat kali)	VITICALAT	VITICALAT 1,6G	VD-26321-17	1,5g + 0,1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ; Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
313	104	Ticarcillin (dưới dạng Ticarcilin dinatri) + Acid Clavulanic (dưới dạng kali clavulanat)	VITICALAT		VD-19062-13	3g + 0,2g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ; Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
314	105	Tobramycin (dưới dạng tobramycin sulfat)	LYRASIL		VD-22602-15	80mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 2ml	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
315	105	Tobramycin	A.T Tobramycine inj		VD-25637-16	80mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	Tiêm	ống	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CPDP AN THIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
316	105	Tobramycin (dưới dạng Tobramycin sulfat)	Tobramycin Kabi		VD-23173-15	80mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 2ml	Tiêm	Lọ	Công Ty Cổ Phần Dược - TTBYT Bình Định	Việt Nam	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DƯỢC PHẨM THIÊN CHÂU A.P.T	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
317	107	Tolperison hydroclorid	TOPEZONI S 50		VD-26094-17	50mg	Viên nén bao phim	H/3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
318	108	Tramadol hydroclorid	Privagin		VD-19966-13	100mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 2ml, hộp 10 ống x 2ml, hộp 25 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
319	110	Acid tranexamic	HANEXIC		VD-23838-15	250mg/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 5ml	Tiêm	Ống	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
320	110	Tranexamic acid	Tranexamic acid 250mg/5ml		VD-26911-17	250mg/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 5ml	Tiêm	Ống	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
321	110	Acid tranexamic	Zentramol		VD-26684-17	250mg/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 5ml	Tiêm	Ống	Công ty CP Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
322	110	Tranexamic acid	A.T Tranexamic inj		VD-25638-16	250mg/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 5ml	Tiêm	ống	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CPDP AN THIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
323	111	Vancomycin hydroclorid	Vancomycin	Vancomycin	VD-12220-10	Vancomycin hydroclorid tương ứng 500mg Vancomycin base	Thuốc tiêm bột đông khô	Hộp 1 lọ thuốc tiêm bột đông khô + 1 ống dung môi 10ml	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
324	111	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin hydroclorid)	Vancomycin 500 A.T		VD-25664-16	500mg	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 3 lọ + 3 ống dung môi 10ml	Tiêm	Lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CPDP AN THIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
325	111	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin HCl)	VALBIVI 0.5G		VD-18365-13	500mg	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1-Pharbaco	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIMEDIM EX	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
326	112	Vitamin A + Vitamin D3	Vitamin A & D		VD-20878-14	5.000IU + 400IU	Viên nang mềm	Hộp 10 vỉ x 15 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
327	114	Magnesi lactat dihydrat + vitamin B6	DEBOMIN		VD-22507-15	Magnesi lactat dihydrat 940mg + vitamin B6 10mg	Viên nén sủi	Hộp 1 tuýp 10 viên	Uống	Viên	Cty CP DP Phương Đông	Việt Nam	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM THIÊN THỂ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
328	115	Acid ascorbic	Ascorbic 500		VD-28886-18	500mg	Viên nén bao phim	Hộp 50 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
329	115	Acid ascorbic	VITAMIN C 500MG	VITAMIN C 500MG	VD-14646-11	500mg	Viên nén bao phim	Hộp 50 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần Dược S.Pharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC S PHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
330	116	Acid ascorbic	CEVITA 500		VD-27734-17	Mỗi 5ml chứa acid ascorbic 500mg	Dung dịch tiêm	Hộp 10 vỉ x 10 ống x 5ml	Tiêm	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
331	116	Acid ascorbic	Vitamin C 500mg/5ml		VD-25216-16	500mg/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 5ml	Tiêm	Ống	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
<b>Lô 4: Thuốc có chứng minh tương đương sinh học do Bộ Y tế công bố</b>																			
332	1	Aceclofenac	Clanzacr		VN-15948-12	200mg	Viên nén bao phim phồng thích có kiểm soát	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Korea United Pharm. Inc.	Hàn Quốc	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM AN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
333	2	Cefixim (dưới dạng Cefixim trihydrat)	Midefix 200		VD-27952-17	Mỗi gói 2,8g thuốc bột chứa Cefixim (dưới dạng Cefixim trihydrat) 200mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 10 gói x 2,8g	Uống	Gói	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
334	4	Metformin HCl	Mefomid 850		VD-27263-17	850mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
335	4	Metformin HCl	PYMETPH AGE_850		VD-13594-10	850mg	Viên nén bao phim	Hộp 5 vỉ x 20 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
336	4	Metformin hydroclorid	Glucofine 850mg		VD-15246-11	850mg	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 5, 5 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
337	5	Trimetazidin dihydroclorid	Dozidine MR 35mg	Dozidine MR 35mg	VD-22629-15	35mg	Viên nén bao phim phóng thích chậm	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
338	5	Trimetazidin dihydroclorid	Vastec 35 MR		VD-27571-17	35mg	Viên nén bao phim giải phóng biến đổi	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Uống	viên	CTy TNHH MTV Dược phẩm DHG	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

**Lô 5: Thuốc không đáp ứng các tiêu chí của các lô 1, 2, 3 và 4**

339	1	Etoricoxib	MAGRAX-F		VD-19172-13	120mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vì Phú	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
340	2	Etoricoxib	Etoricoxib 60		VD-27915-17	60mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
341	3	Flurbiprofen	FLURBIPR OFEN 100		VD-29495-18	100mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần TM DP Quang Minh	Việt Nam	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM THIÊN THỂ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

## BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
342	3	Flurbiprofen	Zentofen		VN-16718-13	100mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Nexus Pharma (Pvt) Ltd	Pakistan	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
343	4	Ketoprofen	Kefentech		VN-10018-10	30mg/miếng dán	Cao dán	Hộp 20 gói x 07 miếng	Dán ngoài da	Miếng	Jeil Pharmaceutical Co. Ltd.	Hàn Quốc	CÔNG TY TNHH TMDP CÁT THÀNH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

Tổng số sản phẩm đánh giá : 360

Tổng số sản phẩm ĐẠT : 343

Ngày ..... Tháng ..... Năm .....

TỔ TRƯỞNG TỔ CHUYÊN GIA